

Bản án số: 07/2023/HNGĐ- ST

Ngày: 10/8/2023

V/v: "Ly hôn"

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN I, TỈNH G**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Lê Viết Thịnh

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Trịnh Thị Thanh Hồng

2. Bà Võ Thị Thu Thủy

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Huyền Trang là thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện I, tỉnh G.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện I, tỉnh G tham gia phiên tòa:** Bà Hoàng Thị Kim Trâm - Kiểm sát viên.

Trong ngày 10 tháng 8 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện I, tỉnh G xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 32/2023/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 4 năm 2023 về "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2023/QĐXXST – HNGĐ ngày 14 tháng 7 năm 2023 và quyết định hoãn phiên tòa số: 04/2023/QĐST-DS ngày 01/8/2023 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Nay H'Đ, sinh năm 1969. Có mặt.

Địa chỉ: Tổ 9, phường Đ, thị xã A, tỉnh G.

2. *Bị đơn:* Ông Rmah B, sinh năm 1969. Vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn Plei Ama r, xã Ia Mr, huyện I, tỉnh G.

3. *Người phiên dịch:* Bà Ksor H' Bloan, sinh năm 1983; địa chỉ: Thôn Đăk Chá, xã Ia Mr, huyện I, tỉnh G - phiên dịch tiếng Jarai cho những người tham gia tố tụng là người dân tộc Jarai. Có mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Tại đơn khởi kiện nộp ngày 18 tháng 4 năm 2023 và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn bà Nay H'Đ trình bày: Về hôn nhân: Bà và ông Rmah B tự nguyện chung sống với nhau từ năm 1989 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn A, huyện A,

tỉnh G (Nay là phường Đ, thị xã A, tỉnh G). Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống thời gian đầu có hạnh phúc được khoảng 01 năm thì bắt đầu mâu thuẫn, thường xuyên cãi vã nhau nên từ năm 1990 bà và ông B đã không còn chung sống, quan tâm gì với nhau nữa. Nay bà yêu cầu tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Rmah B

Về con chung: Trong thời gian chung sống bà và ông Rmah B có 01 con chung là Nay H'U, sinh năm 1990, hiện tại đã có gia đình riêng nên bà không yêu cầu tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có

Tại phiên tòa bà Nay H'Đ vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện của mình.

Đối với bị đơn ông Rmah B sau khi thụ lý tòa án đã tiến hành thông báo về việc thụ lý vụ án cho ông B. Tuy nhiên, ông B không đến tòa để làm việc, không cung cấp cho Tòa án văn bản trình bày ý kiến về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và không nộp các tài liệu chứng cứ để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện I, tỉnh G có quan điểm:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã chấp hành đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định tại các điều 70, 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn đã vi phạm Điều 70 và Điều 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự khi không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và vắng mặt tại phiên tòa không có lý do.

- Về nội dung: Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 4 Điều 147; các Điều 227, 228 và 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 51, 56, 58 của Luật Hôn nhân và gia đình đề nghị Hội đồng xét xử: Về quan hệ hôn nhân: Xử cho bà Nay H'Đ được ly hôn ông Rmah B.

Về con chung: Có 01 con chung là Nay H'U, sinh năm 1990 hiện tại đã thành niên có gia đình riêng. Bà Nay H'Đ không yêu cầu tòa án giải quyết. Vì vậy, không xem xét.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung: Không xem xét giải quyết.

Về án phí: Bà Nay H'Đ phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

#### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại

phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Ông Rmah B mặc dù đã được Toà án thông báo, triệu tập đến tòa án làm việc, tại các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ ông B vắng mặt không có lý do. Căn cứ theo điều 208 Bộ luật tố tụng dân sự tòa án đã tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ để làm căn cứ giải quyết vụ án. Toà án đã đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật. Toà án đã triệu tập ông B tham gia phiên tòa 02 lần nhưng ông B vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào khoản 2 điều 227 và khoản 3 điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự. Nay, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành mở phiên tòa xét xử vắng mặt bị đơn ông Rmah B theo luật định.

[1]. Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Căn cứ vào đơn khởi kiện của nguyên đơn bà Nay H'Đ yêu cầu ly hôn với ông Rmah B. Bị đơn ông Rmah B có địa chỉ cư trú tại thôn Plei Amarin 1, xã Ia Mr, huyện I, tỉnh G nên đây là vụ án tranh chấp về hôn nhân gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện I theo quy định tại các Điều 28, 35, 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân: Bà Nay H'Đ và ông Rmah B tự nguyện kết hôn và được ủy ban nhân dân thị trấn A, huyện A, tỉnh G ( Nay là phường Đ, thị xã A, tỉnh G) cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 19/9/1989 nên đây là hôn nhân hợp pháp. Căn cứ vào lời khai của bà Nay H'Đ, biên bản xác minh tại địa phương có căn cứ xác định từ năm 1990 bà Nay H'Đ và ông Rmah B đã không còn chung sống với nhau nữa, trong suốt thời gian dài hai bên không còn quan tâm liên lạc với nhau. Như vậy, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ xác định tình trạng hôn nhân giữa bà Nay H'Đ và ông Rmah B đã mâu thuẫn trầm trọng, mục đích của hôn nhân không đạt được, cần chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, xử cho bà Nay H'Đ được ly hôn ông Rmah B là phù hợp với Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Giữa bà Nay H'Đ và ông Rmah B có 01 con chung là Nay H'U, sinh năm 1990. Hiện Nay H'U đã trưởng thành và có gia đình riêng nên bà Nay H'Đ không có yêu cầu tòa án giải quyết. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung: Bà Nay H'Đ không có yêu cầu nên tòa án không xem xét giải quyết.

Về án phí: Bà Nay H'Đ phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

***Vì các lẽ trên:***

## QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 220; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 266 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Áp dụng khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 58 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nay H'Đ.

Về hôn nhân: Bà Nay H'Đ được ly hôn với ông Rmah B.

Về án phí: Bà Nay H'Đ phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn ) đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí ly hôn sơ thẩm đã nộp là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0000692 ngày 21/4/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện I tỉnh G. Bà Nay H'Đ đã nộp đủ.

Án xử sơ thẩm công khai, tuyên án có mặt nguyên đơn, vắng mặt bị đơn. Nguyên đơn có quyền kháng cáo theo thủ tục phúc thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (Ngày 10/8/2023). Bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ. Đề yêu cầu tòa án nhân dân tỉnh G xét xử phúc thẩm.

### **Nơi nhận**

- TAND tỉnh G; Cấp cao
- VKSND Huyện I (03 bản);
- THADS Huyện I;
- UBND P. Đoàn kết, TX A;
- Các đương sự;
- Lưu H/sơ vụ án.
- Lưu VP

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Lê Viết Thịnh**

